

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
"Về ly hôn và tranh
chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Huệ

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mai.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2023/QĐSTDS ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hằng E, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 9 Chợ, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/03/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hằng E trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị Hằng E và anh Minh V kết hôn với nhau năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống rất hạnh phúc đến tháng 10/2022 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp với nhau, nguyên nhân chính là do anh Minh V thường xuyên đi uống rượu về gây khó khăn với chị Hằng E, không quan tâm lo lắng làm ăn với chị Hằng E nên chị Hằng E và anh Minh V thường xuyên cự cãi nhau nên chị Hằng E và anh Minh V ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian ly thân chị cố gắng duy trì nhằm tạo điều kiện để anh Minh V sửa đổi tính tình vợ chồng đoàn tụ lại chung

tay xây hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn nhiều hơn. Nên chị Hằng E làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Nguyễn Minh V.

- Về con chung: Chị Hằng E xác định chị và anh Minh V có 01 đứa con chung đặt tên Nguyễn Trần Đức D, sinh ngày 10/02/2005, cháu D đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Hằng E không yêu cầu Tòa giải quyết,

- Về tài sản và nợ: chị Hằng E xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng mà không ý kiến.

*** *Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Hằng E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xem xét cho chị được ly hôn với anh Minh V.

*** *Kiểm sát viên phát biểu:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Hằng E và anh Minh V có đăng kết hôn 2005, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Hằng E khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V, xét thấy, hôn nhân giữa chị Hằng E và anh Minh V là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống với nhau do có nhiều mâu thuẫn nên chị Hằng E khởi kiện xin ly hôn với anh Minh V nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hằng E cho chị được ly hôn với anh Minh V.

- Về con chung: Chị Hằng E xác định có 01 đứa con, khi ly hôn cháu Nguyễn Trần Đức D, sinh ngày 10/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa giải quyết, đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Chị Hằng E xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt thông báo cho anh Minh V biết về việc chị Hằng E xin ly hôn với anh Minh V, hết thời hạn quy định trong thông báo anh Minh V không ý kiến, hai lần Tòa án tổ chức phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh không tham gia nên được xác định là những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai lần mở phiên tòa anh V vắng mặt không lý do, chị Hằng E không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Minh V.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Hằng E và anh Minh V chung sống với nhau năm 2004 đến năm 2005 đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chị Hằng E khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Minh V, xét thấy; hôn nhân giữa chị Hằng E và V xác lập có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng E đối với anh Minh V thấy rằng*; Tình trạng hôn nhân giữa chị Hằng E và anh V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đó là, vợ chồng mà không quan tâm nhau, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng, chị Hằng E khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, đối với anh V thì Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến tham gia hòa giải cũng không ý kiến khai nại gì, hai lần xét xử vắng mặt, xét thấy hôn nhân giữa chị Hằng E và anh V thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hằng E cho chị Hằng E được ly hôn với anh Nguyễn Minh V theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4]. *Về con chung*: Chị Hằng E xác định chị và anh V có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Trần Đức D, sinh ngày 10/02/2005 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được chị Hằng E không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. *Về tài sản; về nợ*: Chị Hằng E xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Hằng E được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

[2]. *Về con chung*: Xác định chị Hằng E và anh Minh V có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trần Đức D, sinh ngày 10/02/2005 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được chị Hằng E không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[3]. *Về tài sản; về nợ*: Chị Hằng E xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm*: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn. Buộc chị Hằng E phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0001181 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Hằng E đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2023) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huệ